|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | 11.1 | |
| **Use-case name:** | Add System Notification | |
| **Actor(s)** | Admin | |
| **Summary** | Thêm thông báo cho toàn hệ thống | |
| **Basic course of events:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Admin chọn menu. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị sidebar. |
| 3. Admin chọn mục notification. |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị ra trang thông báo. |
| 5. Admin thêm thông báo cho toàn hệ thống. |  |
|  | 6. Hệ thống hiển thị bảng mục Set Time Sending và Set User Zone. |
| 7. Admin chọn/cài đặt Set Time Sending và Set User Zone. |  |
|  | 8. Hệ thống lưu trữ dữ liệu và tạo thông báo cho toàn hệ thống. |
| **Alternative paths:** | Không có | |
| **Exception paths:** | Lỗi, ngoại lệ | |
| **Extension points:** | Không có | |
| **Triggers:** | Admin chọn Notification | |
| **Pre-condition:** | Khi admin muốn cài đăt một thống báo cho toàn hệ thống. | |
| **Post-condition:** | Hệ thống tạo thống báo theo thời gian mà admin đã thiết lập. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | 11.2 | |
| **Use-case name:** | Set User Zone | |
| **Actor(s)** | Admin | |
| **Summary** | Admin cài đặt các khung giờ thời gian tương ứng với các khu vực | |
| **Basic course of events:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Admin vào chọn menu. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị sidebar. |
| 3. Admin chọn "notification". |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị ra trang thông báo. |
| 5. Admin thêm thông báo cho toàn hệ thống. |  |
|  | 6. Hệ thống hiển thị bảng mục Set Time Sending và Set User Zone. |
| 7. Admin cài đặt khung giờ khu vực qua thao tác Set User Zone. |  |
|  | 8. Hệ thống thiết lập thông số theo admin cài đặt. |
| **Alternative paths:** | Không có | |
| **Exception paths:** | Không có | |
| **Extension points:** | Khung giờ phải phù hợp với khu vực | |
| **Triggers:** | Admin bấm vào add User Zone | |
| **Pre-condition:** | Điều kiện là đang cài đặt thông báo cho toàn hệ thống | |
| **Post-condition:** | Set user zone thành công. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | 11.3 | |
| **Use-case name:** | Set Time Sending | |
| **Actor(s)** | Admin | |
| **Summary** | Admin cài đặt khung giờ thích hợp để gửi thông báo | |
| **Basic course of events:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Admin vào chọn menu. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị sidebar. |
| 3. Admin chọn "notification". |  |
|  | 4. Hệ thống hiển thị ra trang thông báo. |
| 5. Admin thêm thông báo cho toàn hệ thống. |  |
|  | 6. Hệ thống hiển thị bảng mục Set Time Sending và Set User Zone. |
| 7. Admin cài đặt khung giờ thích để gửi thông báo qua thao tác Set Time Sending. |  |
|  | 8. Hệ thống thiết lập theo thông sao mà admin cài đặt. |
| **Alternative paths:** | Không có | |
| **Exception paths:** | Không có | |
| **Extension points:** | Muốn cài đặt thời gian cụ thể tránh làm phiền người dùng. | |
| **Triggers:** | Admin bấm vào set add time sending | |
| **Pre-condition:** | Là đang cài đặt thông báo cho toàn hệ thống. | |
| **Post-condition:** | Set time sending thành công. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | 11.4 | |
| **Use-case name:** | View System Notification List | |
| **Actor(s)** | Admin | |
| **Summary** | Admin xem danh sách Notification | |
| **Basic course of events:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Admin bấm chọn khung Notification. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị các Notification |
| **Alternative paths:** | Không có | |
| **Exception paths:** | Không có | |
| **Extension points:** | Không có | |
| **Triggers:** | Admin bấm vào mục Notification. | |
| **Pre-condition:** | Không có | |
| **Post-condition:** | Hệ thống hiển thị ra danh sách. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use-case number:** | 11.5 | |
| **Use-case name:** | Cancel System notification | |
| **Actor(s)** | Admin | |
| **Summary** | Admin tắt thông báo để gửi đến người dùng. | |
| **Basic course of events:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Admin bấm chọn khung Notification. |  |
|  | 2. Hệ thống hiển thị các Notification. |
| 3. Admin chọn biểu tượng xóa trên Notification. |  |
|  | 4. Hệ thống xuất ra khung xác nhận lại yêu cầu xóa của Admin. |
| 5. Admin chọn đồng ý xóa (yes). |  |
|  | 6. Hệ thống hủy Notification. |
| **Alternative paths:** | Admin nhấp “no” để hủy việc cancel | |
| **Exception paths:** | Không có | |
| **Extension points:** | Không có | |
| **Triggers:** | Admin bấm vào biểu tượng xóa trên Notification. | |
| **Pre-condition:** | Không có | |
| **Post-condition:** | - TH1: Hệ thống hủy thông báo thành công - TH2: Hệ thống trở về giao diện View Notification. | |